CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Thực phẩm Lâm Đồng

Ngày 31/12/2024	12,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-4.0%**	**0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,800 - 17,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	176
Số lượng CPLH (CP)	14,657,150
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,935
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.05
EPS	-686
P/E	-17.5

DT thuần
Q4/24
36.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.5| 356%
YoY: ▼2.30| -5.9%

LN thuần
Q4/24
1.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.16| 196%
YoY: ▲ 1.51| 335%

LN sau thuế
Q4/24
1.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.76| 207%
YoY: ▲ 2.61| 221%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
-6.8%
YoY: +/-▲ 4.8%

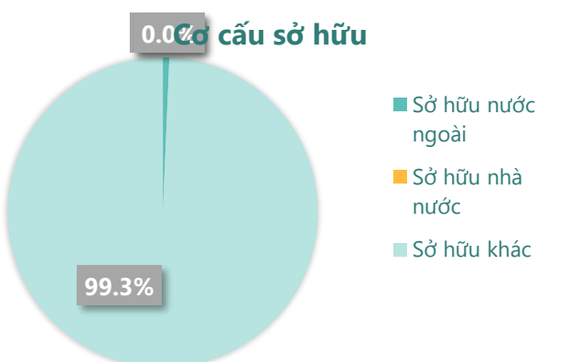
ROE
2024
-5.8%
YoY: +/-▲ 13.0%

DT thuần
2024
92.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼183| -66.3%

LN thuần
2024
-6.94
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.8| 78.1%

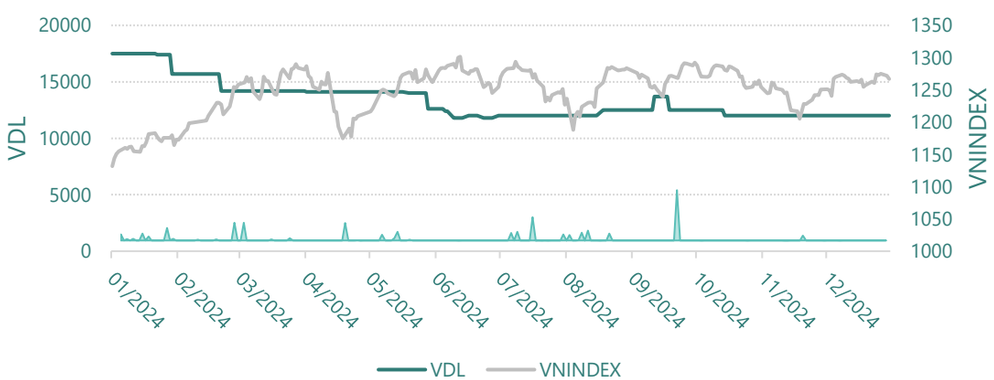
LN sau thuế
2024
-10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.6| 71.8%

Cơ cấu sở hữu

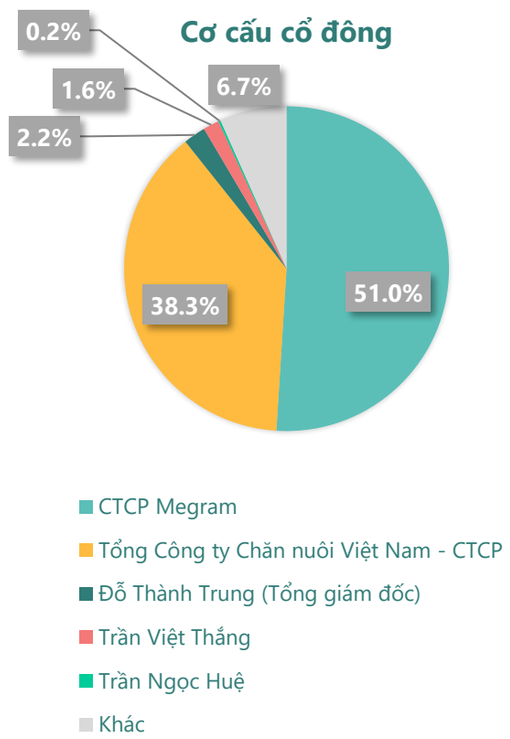


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



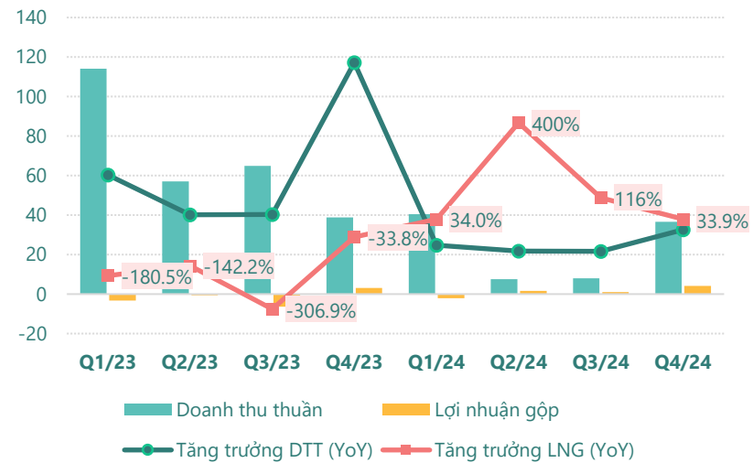
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

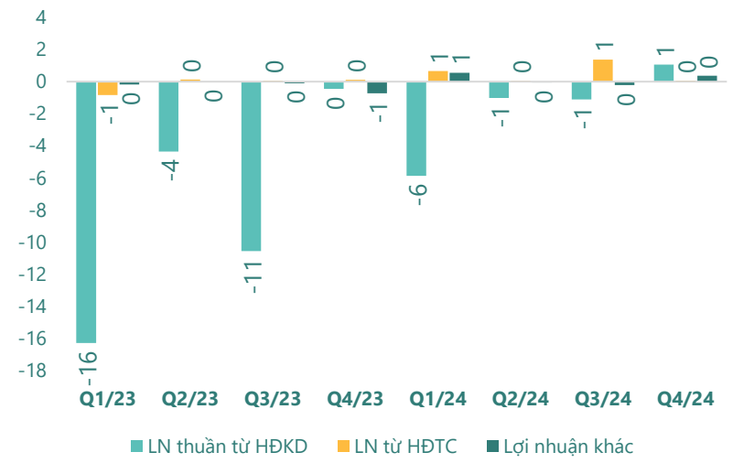
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



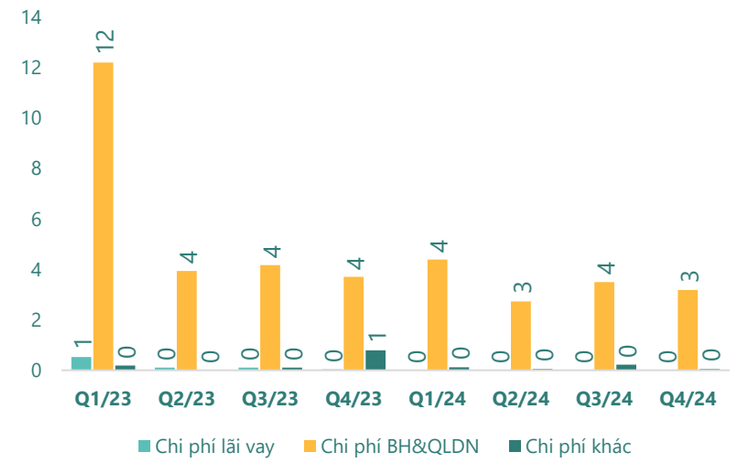
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



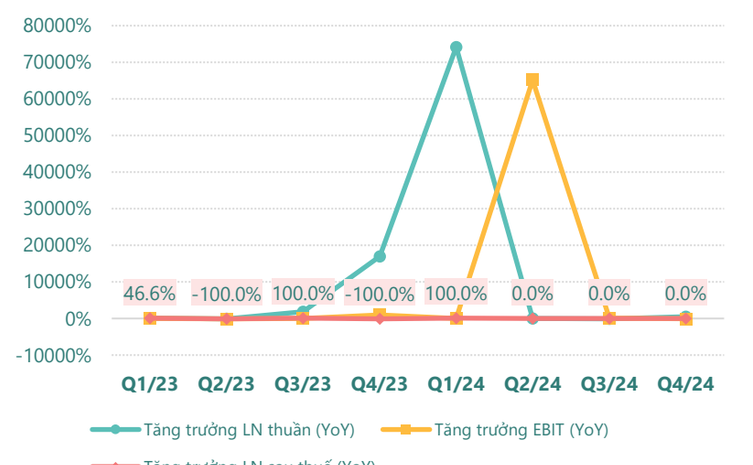
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



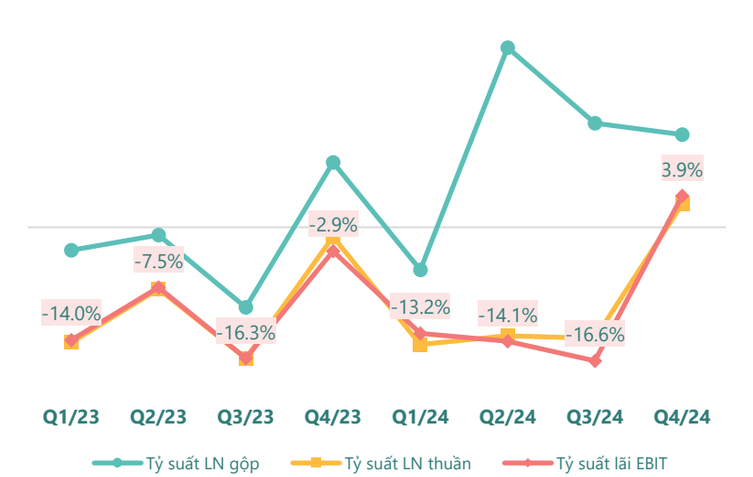
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



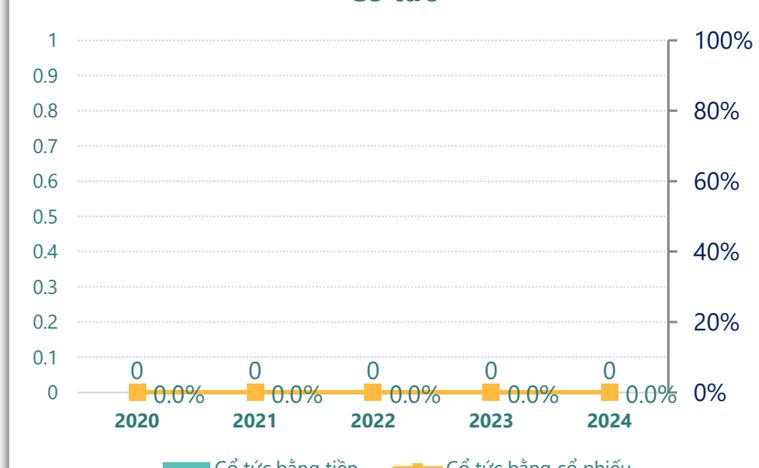
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

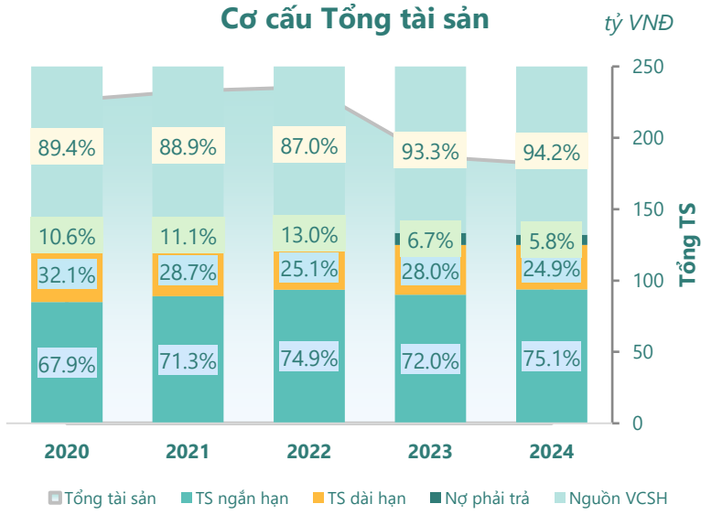
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

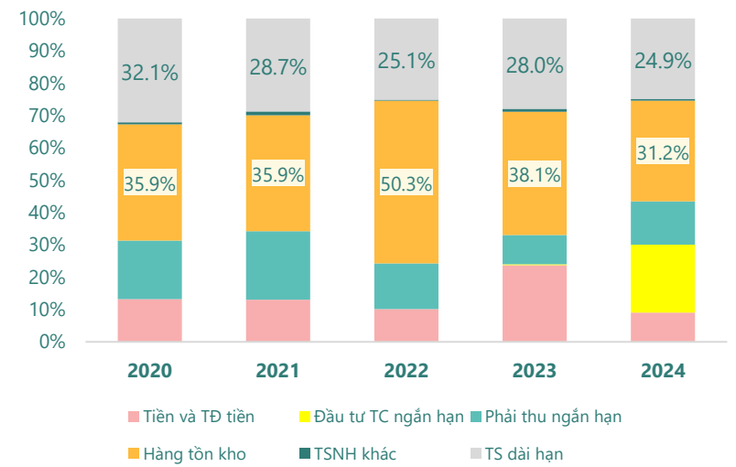
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



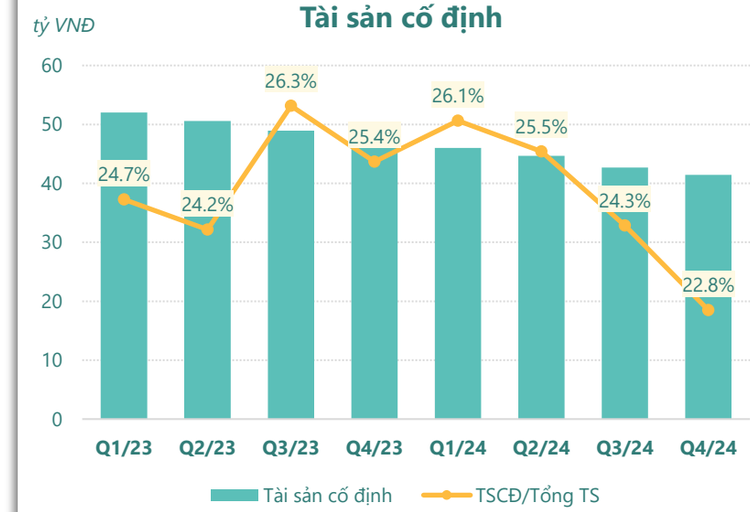
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



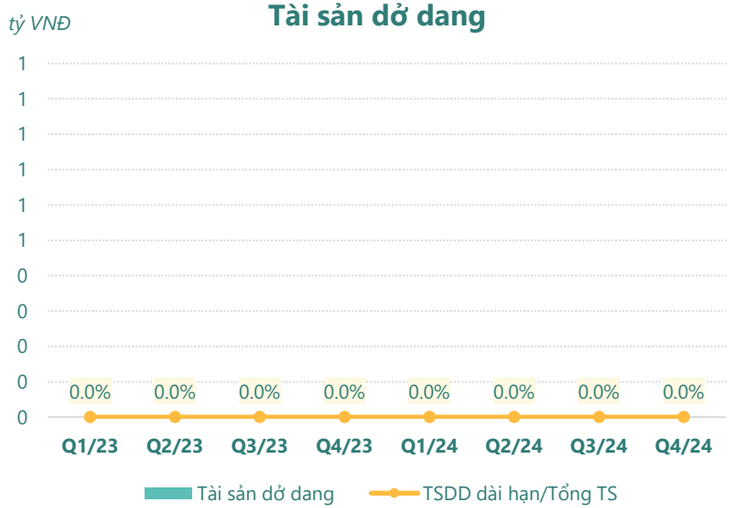
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



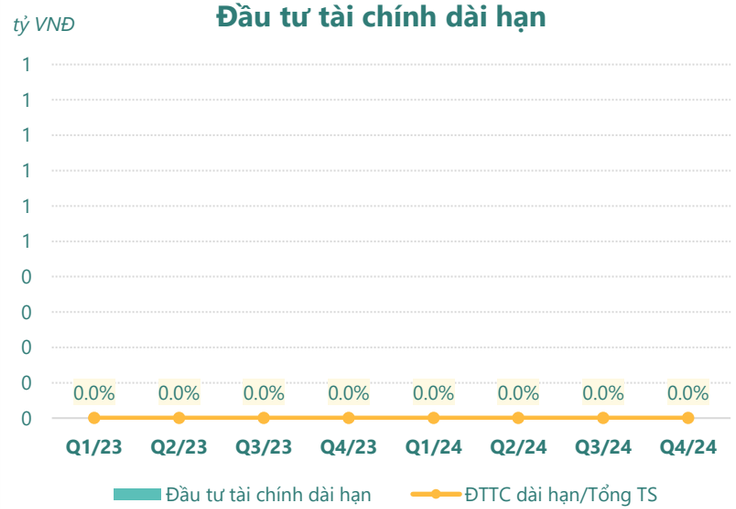
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



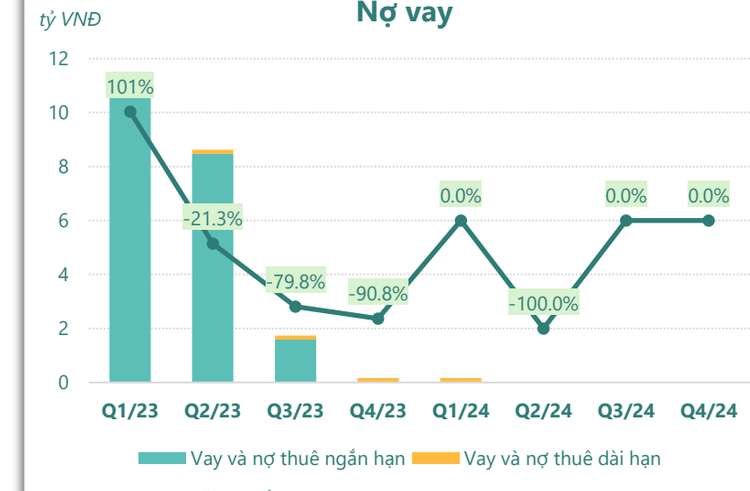
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

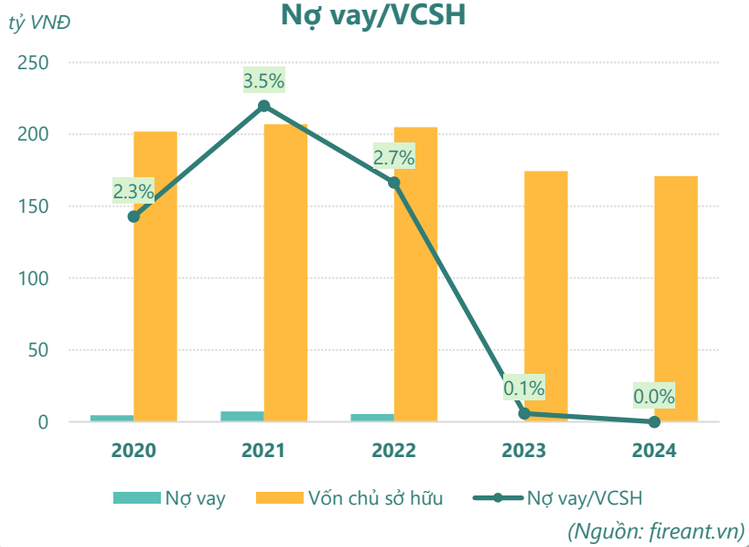
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

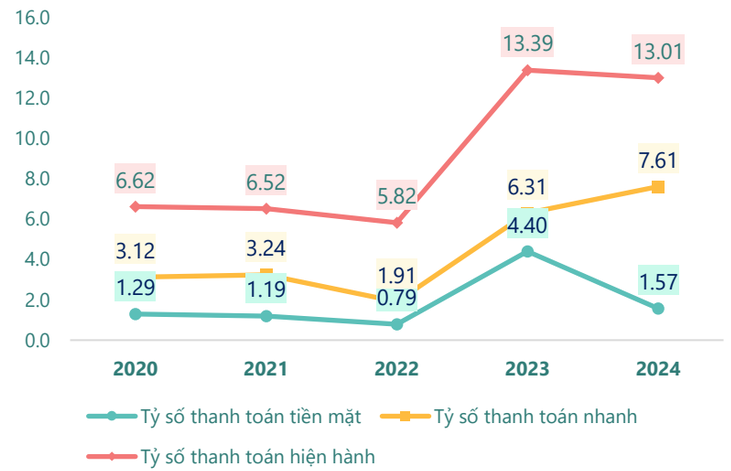
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



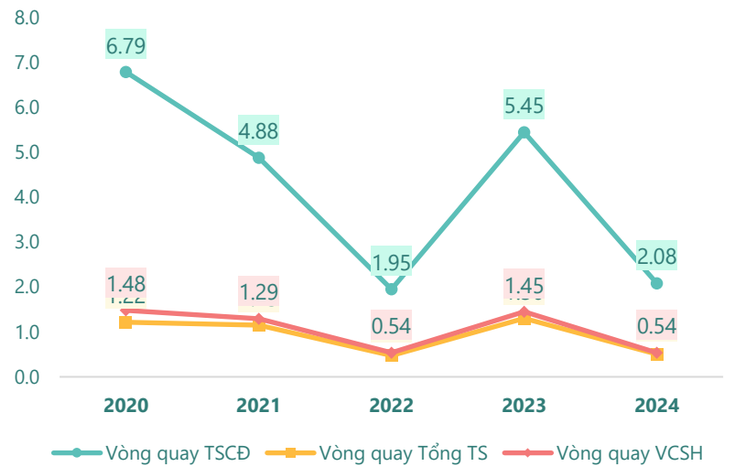
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



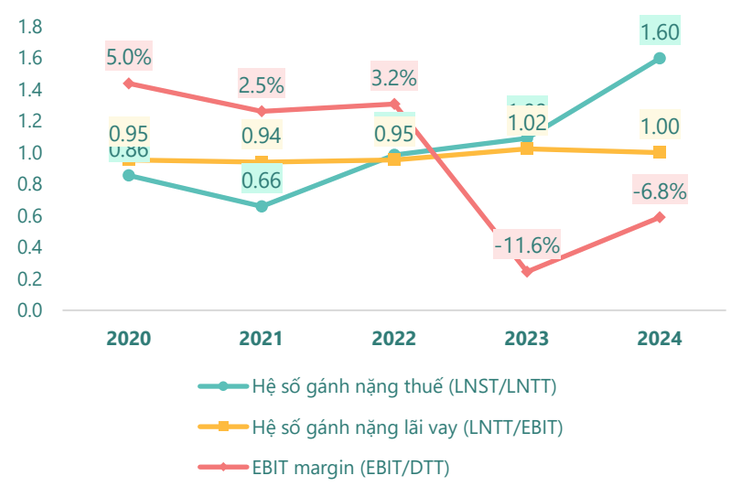
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



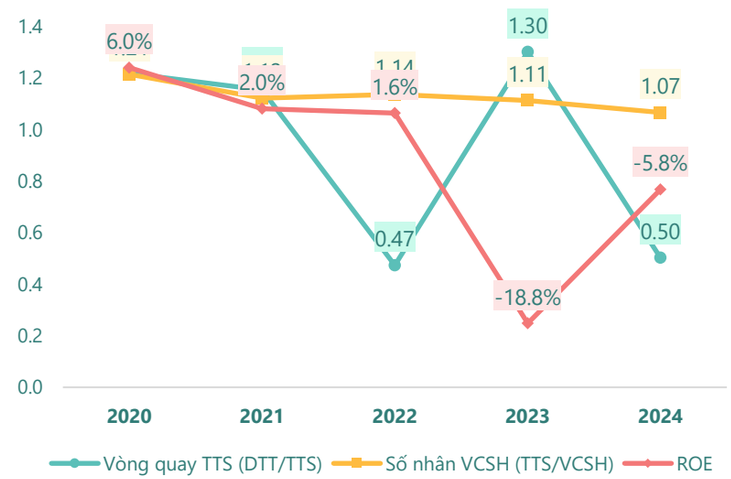
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



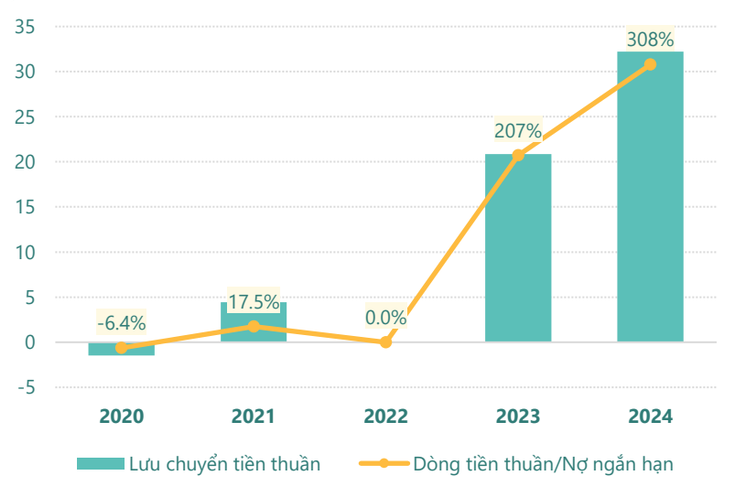
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**36.5**	**38.8**	**-5.9%**	**92.5**	**275**	**-66.3%**
Giá vốn hàng bán	32.3	35.7	-9.5%	87.8	282	-68.9%
Lợi nhuận gộp	4.19	3.13	33.9%	4.76	-7.13	167%
Doanh thu HĐTC	0.07	0.22	-67.2%	2.21	1.37	61.9%
Chi phí TC	0.02	0.10	-81.6%	0.09	1.88	-95.3%
Chi phí lãi vay	0	0.03	-100%	0	0.77	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.79	1.19	-33.3%	2.92	9.28	-68.5%
Chi phí QLDN	**2.39**	**2.52**	**-5.0%**	**10.9**	**14.7**	**-26.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.06	-0.45	335%	-6.94	-31.7	78.1%
Lợi nhuận khác	**0.37**	**-0.72**	**152%**	**0.65**	**-1.01**	**165%**
LN trước thuế	1.43	-1.18	221%	-6.29	-32.7	80.7%
Lợi nhuận sau thuế	**1.43**	**-1.18**	**221%**	**-10.1**	**-35.7**	**71.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.43**	**-1.18**	**221%**	**-10.1**	**-35.7**	**71.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.1	16.2	33.0	-9.13	-1.97	-6.43
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.26	0.25	0.19	0.05	10.7	6.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.89	-2.58	0	0	-0.16	0
Tiền đầu kỳ	11.9	30.4	44.3	17.4	8.35	16.8
Lưu chuyển tiền thuần	**18.5**	**13.9**	**33.2**	**-9.09**	**8.53**	**-0.40**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	30.4	44.3	77.5	8.35	16.8	16.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**181**	**187**	**-3.0%**
Tài sản ngắn hạn	136	135	1.2%
Tiền và tương đương tiền	16.5	44.3	-62.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.0	0.50	7500%
Phải thu ngắn hạn	24.3	16.9	43.3%
Hàng tồn kho	56.5	71.2	-20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.94	1.72	-45.6%
Tài sản dài hạn	**45.2**	**52.3**	**-13.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	41.5	47.4	-12.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.74**	**4.87**	**-23.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.5	12.5	-16.2%
Nợ ngắn hạn	**10.5**	**10.1**	**4.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.16	2.52	-14.3%
Nợ dài hạn	0	2.43	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.16	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**171**	**174**	**-2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**171**	**174**	**-2.0%**
Vốn điều lệ	147	147	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)